

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI CÙ LAO THỚI SƠN, TỈNH TIỀN GIANG

Factors Influencing the Development of Ecotourism in Thoi Son Islet, Tien Giang Province

Văn Thị Vàng¹

¹Trường Đại học Tiền Giang, Tiền Giang, Việt Nam
kimvangtgu@gmail.com

Tóm tắt — Bài viết này phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn, tỉnh Tiền Giang, thông qua việc kết hợp cả dữ liệu thứ cấp và sơ cấp (thu thập từ khảo sát thực địa và phỏng vấn bảng hỏi) nhằm xác định các nhóm nhân tố chính ảnh hưởng đến du lịch sinh thái. Kết quả cho thấy có 8 nhân tố chủ yếu: Tài nguyên du lịch, Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật, Nguồn nhân lực, Ẩm thực địa phương, Giá cả dịch vụ, An ninh trật tự - an toàn, Công tác quảng bá - xúc tiến du lịch và Nhận thức về bảo vệ môi trường. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm cải thiện chất lượng và tính bền vững của hoạt động du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn. Kết quả nghiên cứu có thể hỗ trợ chính quyền địa phương, cộng đồng cư dân, doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách trong việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Abstract — This study analyzes the factors influencing the development of ecotourism in Thoi Son Islet, Tien Giang Province, through a combination of secondary and primary data (collected via field surveys and structured questionnaire interviews). The research aims to identify the key factor groups affecting ecotourism development in the area. The findings reveal eight main influencing factors: tourism resources, infrastructure and technical facilities, human resources, local cuisine, service pricing, safety and security, tourism promotion and marketing, and environmental awareness. Based on these results, the paper proposes practical solutions to improve the quality and sustainability of ecotourism activities in Thoi Son Islet. The outcomes of the study are expected to assist local authorities, communities, businesses, and policymakers in formulating appropriate tourism development strategies tailored to the local context.

Từ khóa — Cù lao Thới Sơn; du lịch sinh thái; nhân tố ảnh hưởng; Tiền Giang.

1. Đặt vấn đề

Du lịch sinh thái ngày càng được quan tâm và phát triển như một xu hướng tất yếu trong bối cảnh phát triển du lịch bền vững. Với mục tiêu bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và gắn kết lợi ích cộng đồng, du lịch sinh thái đã và đang trở thành một trong những loại hình du lịch được nhiều địa phương ưu tiên phát triển. Tại Việt Nam, các khu vực sông nước Nam Bộ sở hữu nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái, trong đó Cù lao Thới Sơn (thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) là một ví dụ điển hình.

Cù lao Thới Sơn nổi bật với cảnh quan thiên nhiên đặc trưng vùng sông nước, hệ sinh thái miệt vườn trù phú và văn hóa bản địa phong phú. Trong những năm qua, khu vực này đã thu hút lượng lớn du khách trong và ngoài nước nhờ các hoạt động trải nghiệm như đi xuồng ba lá, tham quan vườn cây ăn trái, thưởng thức đòn ca tài tử và ẩm thực địa phương. Theo thống kê của tỉnh

Tiền Giang, trong năm 2024, toàn tỉnh đón 1.65 triệu lượt khách du lịch, tăng 17.8% so với cùng kỳ, với doanh thu từ hoạt động du lịch đạt 1,250 tỷ đồng, tăng 28.8% so với năm trước. Cù Lao Thới Sơn là một trong những địa điểm du lịch sinh thái tiêu biểu của tỉnh Tiền Giang, thu hút hơn 700,000 lượt du khách mỗi năm, trong đó khoảng 45% là khách quốc tế. Nơi đây được xem là một trong những điểm đến miệt vườn đặc sắc nhất của khu vực, thường xuyên được lựa chọn trong hành trình khám phá sông nước miền Tây. Tuy nhiên, việc phát triển du lịch tại đây đang đối mặt với nhiều thách thức như cạnh tranh về giá, chất lượng dịch vụ không đồng đều, thiếu định hướng chiến lược và nhận diện hình ảnh điểm đến. Mặc dù trong thời gian qua đã có một số công trình nghiên cứu đáng chú ý liên quan đến phát triển du lịch sinh thái tại các địa phương như Phong Điền (TP. Cần Thơ), Cù Lao An Bình (Vĩnh Long) hay rừng U Minh Hạ (Cà Mau),... song vẫn còn thiếu các công trình nghiên cứu về Cù lao Thới Sơn – một điểm đến tiêu biểu của

<https://doi.org/10.63783/dla.2025.029>

Ngày nộp bài: 22/05/2025; **Ngày nhận bản chỉnh sửa:** 10/06/2025; **Ngày duyệt đăng:** 18/06/2025

tỉnh Tiền Giang. Đây chính là khoảng trống cần được lấp đầy nhằm bổ sung cơ sở dữ liệu thực tiễn phục vụ công tác quy hoạch và phát triển bền vững.

Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu mang lại một số điểm mới có giá trị nổi bật. Thứ nhất, nghiên cứu đã xây dựng bộ thang đo gồm các biến quan sát đa chiều, phản ánh toàn diện các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái tại địa phương; đồng thời các biến này được kiểm định bằng phương pháp phân tích định lượng đảm bảo độ tin cậy và tính khoa học của nghiên cứu. Thứ hai, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát trực tiếp trên 150 du khách tại Cù lao Thới Sơn - một quy mô mẫu phù hợp cho nghiên cứu khám phá và cho phép phản ánh sinh động đặc điểm nhân khẩu học, hành vi và kỳ vọng thực tế của du khách. Thứ ba, trên cơ sở kết quả phân tích, nghiên cứu đã đề xuất một hệ thống giải pháp mang tính thực tiễn và khả thi, bám sát từng nhóm yếu tố then chốt nhằm thúc đẩy sự phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững tại Cù lao Thới Sơn.

Với những đóng góp nêu trên, nghiên cứu không chỉ làm rõ các yếu tố tác động đến phát triển du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn mà còn kỳ vọng sẽ trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách, cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp du lịch và cộng đồng dân cư trong việc xây dựng chiến lược phát triển du lịch địa phương một cách hiệu quả, bền vững và có tầm nhìn dài hạn, cũng như tăng cường khả năng thu hút và giữ chân du khách trong tương lai.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện thông qua việc kết hợp các phương pháp định tính và định lượng, nhằm đảm bảo tính toàn diện trong thu thập và phân tích dữ liệu.

Trước hết, phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp được sử dụng để tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như: Sách, báo, tạp chí khoa học, văn bản chính sách, nghị quyết, báo cáo ngành, số liệu thống kê và các tài liệu liên quan đến du lịch sinh thái tại khu vực nghiên cứu. Các tài liệu này được xử lý bằng kỹ thuật so sánh, đánh giá và tổng hợp nhằm đảm bảo tính khách quan, giá trị kế thừa và mức độ phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.

Bên cạnh đó, tác giả đã tiến hành khảo sát thực địa tại Cù Lao Thới Sơn để quan sát, ghi nhận hình ảnh, phỏng vấn và thu thập các dữ liệu liên quan đến nghiên cứu.

Phương pháp phỏng vấn bảng hỏi được triển khai để thu thập dữ liệu sơ cấp từ du khách đang tham quan tại Cù Lao Thới Sơn. Việc xác định cỡ mẫu được tham khảo theo khuyến nghị của Sirakaya et al. [7], theo đó, kích thước mẫu tối thiểu nên nằm trong khoảng từ 100 đến 200 để đảm bảo độ tin cậy cho phân tích nhân tố. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã thu thập được tổng cộng 150 bảng hỏi hợp lệ từ du khách trong và ngoài nước.

Dữ liệu sau khảo sát được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 22. Các phương pháp phân tích bao gồm: thống kê mô tả để phác họa đặc điểm mẫu khảo sát, kiểm định độ tin cậy thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) nhằm xác định các nhóm nhân tố tiềm ẩn ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái tại địa phương. Kết quả phân tích EFA là cơ sở để nhận diện các tiêu chí có tác động lớn, từ đó đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả phát triển du lịch sinh thái tại Cù Lao Thới Sơn.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Mô tả mẫu khảo sát

Dữ liệu được tiến hành thu thập bằng bảng câu hỏi và khảo sát thực tế tại địa bàn cù lao Thới Sơn. Phỏng vấn bằng bảng câu hỏi được thực hiện thông qua 150 quan sát là những khách đã từng tham quan du lịch và hiện đang trực tiếp tham quan du lịch tại địa điểm nghiên cứu. Bảng câu hỏi đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái miệt vườn tại cù lao Thới Sơn với 8 nhân tố và 43 biến quan sát. Các tiêu chí đo lường theo thang đo Likert 5 mức độ: (1) Hoàn toàn không đồng ý, (2) Không đồng ý, (3) Trung lập, (4) Đồng ý, (5) Hoàn toàn đồng ý.

Kết quả thu thập mẫu cho thấy:

Phân theo giới tính: 47.3% là nam và 52.7% là nữ. Tỷ lệ này thể hiện sự phân bố tương đối cân bằng giữa hai giới, giúp phản ánh quan điểm của đa dạng đối tượng khảo sát.

Phân theo độ tuổi: Nhóm tuổi từ 18 đến 30 chiếm tỷ lệ 68%, từ 31 đến 45 tuổi chiếm 20.7%, từ 46 đến 60 tuổi là 8% và trên 60 tuổi là 3.3%. Cơ cấu này cho thấy du khách trẻ và trung niên là đối tượng chính tham gia du lịch sinh thái tại khu vực này.

Phân theo trình độ học vấn: 58.7% người khảo sát có trình độ đại học, 15.3% có trình độ sau đại học, 12.7% học cao đẳng hoặc trung cấp nghề và 13.3% có trình độ trung học phổ thông hoặc thấp hơn. Điều này thể hiện sự đa dạng

trong tầng lớp học vấn, trong đó nhóm có trình độ học vấn cao chiếm ưu thế.

Phân theo nghề nghiệp: Nhóm người lao động trong lĩnh vực dịch vụ - du lịch chiếm 34%, sinh viên chiếm 28.7%, nhân viên văn phòng và cán bộ - công chức chiếm 20%, còn lại là tiểu thương, nội trợ, người về hưu và nhóm ngành nghề khác chiếm 17.3%.

Phân theo loại hình cư trú: Người dân đến từ khu vực thành thị chiếm 59.3%, trong khi cư dân từ vùng nông thôn chiếm 40.7%. Sự phân bố này phù hợp với xu hướng người dân đô thị tìm đến những điểm đến sinh thái để thư giãn và phục hồi sức khỏe tinh thần.

Kênh thông tin biết đến điểm đến: 55.3% khách biết đến Cù lao Thới Sơn thông qua bạn bè/người thân, 47.3% qua Internet và mạng xã hội, 11.3% qua các chương trình truyền hình hoặc quảng bá của công ty du lịch. Các kênh khác như báo chí hoặc tài liệu quảng bá chiếm dưới 5%.

Hình thức du lịch: 74.0% khách tham gia theo hình thức tự túc, 15.3% đặt tour trọn gói, 6.7% đi theo nhóm tổ chức (cơ quan, đoàn thể) và 4% trải nghiệm tour thiết kế theo yêu cầu cá nhân.

Mục đích chuyến đi: Giải trí chiếm tỷ lệ cao nhất (66.7%), tiếp theo là khám phá trải nghiệm (58.7%), nghỉ dưỡng (26%), học tập – nghiên cứu (107%) và công việc, kinh doanh (4.7%).

Sức hấp dẫn của điểm đến: Những yếu tố thu hút chính là cảnh quan tự nhiên đẹp (68.7%), hệ sinh thái vườn cây ăn trái (63.3%), không khí trong lành (52%) và sự thân thiện của người dân địa phương (46.7%).

Hoạt động phổ biến: Các hoạt động được lựa chọn nhiều gồm: Tham quan vườn trái cây (78%), thưởng thức ẩm thực địa phương (53.3%), chụp ảnh và check in (49.3%), trải nghiệm đi xuống chèo tay (37.3%) và mua sắm sản vật địa phương (14.7%).

Những dữ liệu khảo sát này góp phần cung cấp cái nhìn định lượng quan trọng về đặc điểm du khách đến với Cù lao Thới Sơn, từ đó làm cơ sở cho việc đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến du lịch sinh thái một cách chính xác và sát thực tế.

3.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái ở Cù lao Thới Sơn

Để xác định nhóm các yếu tố tác động tác động đến sự phát triển du lịch sinh thái tại cù lao Thới Sơn, chúng tôi đã tiến hành phân tích các nhân tố khám phá gồm 8 nhân tố với 43 biến quan sát, cụ thể như sau: (1) Tài nguyên du lịch (6 biến quan sát); (2) Cơ sở hạ tầng - vật chất kỹ thuật (7 biến quan sát); (3) Nguồn nhân lực (5 biến quan sát); (4) Ẩm thực địa phương (5 biến quan sát); (5) Giá cả dịch vụ (5 biến quan sát); (6) An ninh trật tự - an toàn du lịch (6 biến quan sát); (7) Công tác quảng bá và xúc tiến du lịch (4 biến quan sát); (8) Nhận thức về môi trường (5 biến quan sát).

Để đảm bảo độ tin cậy thang đo và biến quan sát, tác giả sử dụng phương pháp đánh giá độ tin cậy thang đo. Các thang đo được đánh giá độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Hệ số Cronbach's Alpha được dùng để loại các biến rác. Các biến có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0.3 sẽ bị loại (Nunnally, 1978; Peterson, 1994; Slater, 1995). Thang đo sẽ đạt độ tin cậy khi hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0.6. Kết quả phân tích cho thấy không có biến quan sát nào bị loại ra khỏi mô hình vì hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0.3. Điều này chứng tỏ rằng các nhóm thang đo trong nghiên cứu có độ tin cậy cao (8 thang đo của nhân tố độc lập với 43 biến quan sát), phù hợp để thực hiện các phân tích tiếp theo như EFA nhằm xác định cấu trúc các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái tại địa phương.

Bảng 1. Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

Thang đo	Thang đo	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha
Tài nguyên du lịch		6	0.707
Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật		7	0.886
Nguồn nhân lực		5	0.877
Ẩm thực địa phương		5	0.914
Giá cả dịch vụ		5	0.891
An ninh trật tự - an toàn du lịch		6	0.910
Công tác quảng bá - xúc tiến du lịch		4	0.839
Nhận thức về môi trường và bảo vệ sinh thái		5	0.890

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Sau khi đánh giá độ tin cậy thang đo, có 8 thang đo của nhân tố độc lập với 43 biến quan sát đủ điều kiện tiến hành phân tích nhân tố khám phá. Nghiên cứu dùng kiểm định KMO (Kaiser-Meyer-Olkin Measure of sampling adequacy) và Bartlett's Test of Sphericity để kiểm tra mức độ thích hợp của dữ liệu nghiên cứu. Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy mô hình nghiên cứu có mức độ phù hợp cao. Giá trị KMO đạt 0,871 và kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig. = 0,000), khẳng định dữ liệu đủ điều kiện để tiến hành EFA. Phân tích đã trích được 8 nhân tố với tổng phương sai trích đạt 72,3% (lớn hơn 50%), phản ánh mức độ giải thích cao của mô hình. Các nhân tố được rút trích hoàn toàn trùng khớp với các nhóm thang đo ban đầu, bao gồm: tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực, ẩm thực địa phương, giá

cả dịch vụ, an ninh trật tự - an toàn du lịch, hoạt động quảng bá - xúc tiến du lịch, nhận thức về môi trường và bảo vệ sinh thái.

Ma trận xoay nhân tố (Rotated Component Matrix) cho thấy các biến quan sát có hệ số tải nhân tố (factor loading) đều lớn hơn 0,5, đáp ứng yêu cầu về mức độ đóng góp của từng biến vào các nhân tố. Không có hiện tượng giao thoa giữa các nhân tố, thể hiện rõ ràng cấu trúc của mô hình đo lường. Kết quả EFA đã xác lập cơ sở để sử dụng các nhân tố trích được cho các phân tích tiếp theo như hồi quy hoặc so sánh nhóm.

Tóm lại, phân tích nhân tố khám phá đã xác nhận tính hợp lệ và giá trị khái niệm của các nhóm thang đo, đồng thời góp phần làm rõ các thành phần cốt lõi ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn.

Bảng 2. Kiểm định KMO và Bartlett

KMO and Bartlett's Test	
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy	0.871
Bartlett's Test of Sphericity Approx. Chi-Square	3542.763
df	903
Sig.	.000

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Trong phân tích nhân tố khám phá, chúng tôi đã sử dụng phép trích là Principal Components với phép xoay Varimax. Nhằm đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của phân tích nhân tố khám phá, cần loại những biến đo lường có hệ số tải nhân tố không đạt yêu cầu ở từng nhân tố. Theo Hair và cộng sự [1], hệ số tải nhân tố (factor loading) là chỉ tiêu để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của

phân tích nhân tố khám phá. Hệ số tải nhân tố lớn hơn 0.3 được xem là đạt mức tối thiểu dùng cho cỡ mẫu 350, nếu cỡ mẫu khoảng 100 thì nên chọn hệ số tải nhân tố lớn hơn 0.55 và cỡ mẫu khoảng 50 thì hệ số tải nhân tố phải lớn hơn 0.75. Trong nghiên cứu này, tác giả thực hiện phỏng vấn 150 đáp viên, do đó biến đo lường khi có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0.55 thì được giữ lại.

Bảng 3. Ma trận điểm số nhân tố

Biến quan sát	F1	F2	F3	F4	F5	F6	F7	F8
X30	0.233							
X31	0.243							
X33	0.223							
X29	0.197							
X32	0.193							
X34	0.136							
X20		0.306						
X19		0.271						
X21		0.291						
X23		0.236						
X24		0.269						
X25		0.284						
X28		0.323						
X26		0.264						
X27			0.264					
X14			0.333					
X16			0.292					

X17			0.265					
X18			0.218					
X41				0.351				
X40				0.320				
X42				0.281				
X43				0.261				
X8					0.339			
X9					0.322			
X10					0.221			
X7					0.233			
X5					0.322			
X2					0.305			
X38						0.406		
X37						0.313		
X36						0.303		
X13							0.360	
X11							0.317	
X12							0.317	
X1								0.336
X3								0.321
X4								0.308
X6								0.292
X15								0.277
X22								0.264

(Nguồn: Kết quả khảo sát)

Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc [2], để tính điểm số nhân tố cho từng trường hợp biến quan sát theo phương trình như sau:

$$F_i = W_{i1}X_1 + W_{i2}X_2 + W_{i3}X_3 + W_{i4}X_4 + \dots + W_{ik}X_k$$

Trong đó:

F_i ước lượng trị số của nhân tố thứ i ;

W_i : Trọng số nhân tố;

k : Số biến.

Dựa vào Bảng 2 ma trận điểm số nhân tố, ta có các phương trình điểm số nhân tố sau:

$$F_1 = 0.233X_{30} + 0.243X_{31} + 0.223X_{33} + 0.197X_{29} + 0.193X_{32} + 0.136X_{34}$$

Nhân tố F_1 phản ánh vai trò của sự an toàn và trật tự xã hội trong DLST. Các biến X_{31} (ý thức giữ gìn trật tự công cộng) và X_{30} (cảm giác an toàn) có trọng số cao nhất, cho thấy du khách đặc biệt quan tâm đến môi trường du lịch ổn định, không gây rối, không phát sinh xung đột hoặc sự cố tiêu cực. Đây là điều kiện cơ bản nhưng thiết yếu để bảo đảm chất lượng trải nghiệm và lòng tin của du khách.

$$F_2 = 0.306X_{20} + 0.271X_{19} + 0.291X_{21} + 0.236X_{23} + 0.269X_{24} + 0.284X_{25} + 0.323X_{28} + 0.264X_{26}$$

Nhân tố này là một trong những yếu tố tác động mạnh đến quyết định quay lại hoặc giới thiệu điểm đến. Biến X_{28} (tránh hiện tượng chật chội) và X_{20} (giá cả hợp lý) là hai yếu tố nổi bật nhất. Điều này cho thấy tính minh bạch, công bằng trong giá cả và cảm giác “xứng đáng với chi phí bỏ ra” là kỳ vọng lớn từ phía du khách, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh giữa các điểm đến sinh thái tương tự.

$$F_3 = 0.264X_{27} + 0.333X_{14} + 0.292X_{16} + 0.265X_{17} + 0.218X_{18}$$

Yếu tố con người được thể hiện rõ qua các biến như X_{14} (thái độ phục vụ) và X_{16} (tâm huyết nghề nghiệp). Đây là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách trong suốt hành trình trải nghiệm. Nhân lực du lịch không chỉ cần kỹ năng mà còn phải có tình yêu nghề, sự thân thiện và khả năng tạo ấn tượng tích cực cho khách.

$$F_4 = 0.351X_{41} + 0.320X_{40} + 0.281X_{42} + 0.261X_{43}$$

Biến X_{41} (nhận thức cộng đồng) và X_{40} (ý thức phân loại rác) chiếm trọng số lớn, khẳng định rằng sự bền vững của du lịch sinh thái không thể tách rời khỏi sự đồng thuận và hành động cụ thể của cộng đồng địa phương. Việc phát triển du lịch cần gắn chặt với các giá trị bảo tồn sinh thái, đồng thời truyền cảm hứng cho du khách tham gia vào hành vi có trách nhiệm với môi trường.

$$F5 = 0.339X8 + 0.322X9 + 0.221X10 + 0.233X7 + 0.322X5 + 0.305X2$$

Nhân tố F5 chịu tác động mạnh nhất từ X8 (bến tàu thuận tiện) và X5 (giao thông kết nối tốt), cho thấy cơ sở hạ tầng đóng vai trò then chốt trong khả năng tiếp cận điểm đến, cũng như tạo điều kiện cho các hoạt động du lịch diễn ra trơn tru, chuyên nghiệp và an toàn. Việc đầu tư đồng bộ vào hệ thống vật chất là nền tảng để phát triển sản phẩm du lịch sinh thái chất lượng cao.

$$F6 = 0.406X38 + 0.313X37 + 0.303X36$$

Nhân tố F6 được cấu thành từ ba biến: X38 (chiến dịch truyền thông), X37 (sự kiện du lịch) và X36 (kênh quảng bá số), trong đó X38 có hệ số cao nhất (0.406). Điều này cho thấy hoạt động truyền thông bài bản, có chiến lược là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến nhận thức và ấn tượng của du khách về điểm đến.

Việc kết hợp hiệu quả giữa truyền thông số và các sự kiện văn hóa - ẩm thực sẽ góp phần nâng cao hình ảnh, tăng cường định vị thương hiệu và thu hút khách du lịch đến với Cù lao Thới Sơn, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh giữa các điểm đến sinh thái trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

$$F7 = 0.360X13 + 0.317X11 + 0.317X12$$

Nhân tố F7 thể hiện vai trò nổi bật của ẩm thực trong phát triển du lịch sinh thái. Trong đó, biến X13 (món ăn đặc trưng) có hệ số cao nhất, cho thấy giá trị văn hóa ẩm thực bản địa là một trong những yếu tố gây ấn tượng mạnh mẽ đối với du khách. Hai biến còn lại X11 (không gian nhà hàng phù hợp) và X12 (dịch vụ ăn uống ổn định) cũng đóng vai trò quan trọng, phản ánh rằng ẩm thực không chỉ nằm ở món ăn mà còn là một tổng hòa trải nghiệm không gian, dịch vụ và cảm xúc. Điều này khẳng định ẩm thực là một kênh truyền tải văn hóa đặc trưng hiệu quả và là điểm nhấn quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn.

$$F8 = 0.336X1 + 0.321X3 + 0.308X4 + 0.292X6 + 0.277X15 + 0.264X22$$

Tài nguyên du lịch là nhân tố nền tảng của bất kỳ loại hình du lịch nào, đặc biệt đối với du lịch sinh thái. Biến X1 (cảnh quan tự nhiên hấp dẫn) và X3 (di tích văn hóa - lịch sử phong phú) là hai yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất, cho thấy mức độ thu hút ban đầu của điểm đến phụ thuộc nhiều vào cảnh quan và di sản văn hóa bản địa. Các biến khác như X4 (làng nghề truyền thống), X6 (sinh thái sông nước), cũng cho thấy giá trị của hệ sinh thái bản địa trong việc tạo nên sự khác biệt cho điểm đến. Nhóm yếu tố này là thế

mạnh tự nhiên của Cù lao Thới Sơn và cần được khai thác một cách bền vững, gắn liền với bảo tồn tài nguyên và phát triển cộng đồng.

Kết quả cho thấy sự phát triển du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn sẽ ảnh hưởng bởi 8 nhân tố: Công tác quảng bá - xúc tiến du lịch, Ẩm thực địa phương, Nhận thức bảo vệ môi trường, Cơ sở hạ tầng - vật chất kỹ thuật, Giá cả dịch vụ, Tài nguyên du lịch, Nguồn nhân lực, An ninh trật tự - an toàn.

Những kết quả trên cho thấy rằng ngoài các yếu tố nền tảng như cơ sở hạ tầng - vật chất kỹ thuật, tài nguyên du lịch, các yếu tố khác như Nhận thức bảo vệ môi trường, Công tác quảng bá - xúc tiến du lịch, cùng với Ẩm thực địa phương và Nhận thức bảo vệ môi trường, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn, phản ánh vai trò nổi bật của yếu tố văn hóa - xã hội và truyền thông trong du lịch sinh thái hiện đại. Các yếu tố nền tảng vẫn quan trọng, nhưng cần được hỗ trợ bởi nhận thức cộng đồng và trải nghiệm du lịch đa chiều.

3.3. Các giải pháp phát triển du lịch sinh thái Cù lao Thới Sơn

Du lịch sinh thái không chỉ là xu hướng phát triển bền vững trong bối cảnh hiện nay mà còn là công cụ quan trọng góp phần bảo tồn tài nguyên, nâng cao đời sống cộng đồng và thúc đẩy kinh tế địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự phát triển du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn chịu tác động đồng thời của tám nhân tố trọng yếu. Do đó, các giải pháp cần được thiết kế có hệ thống, phù hợp với từng nhân tố và gắn liền với bối cảnh thực tiễn của địa phương. Việc thực hiện hiệu quả các nhóm giải pháp không chỉ giúp giải quyết các tồn tại mà còn nâng cao sức cạnh tranh và khả năng thu hút du khách, góp phần định vị Cù lao Thới Sơn như một điểm đến sinh thái đặc trưng của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, sự phát triển du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn chịu ảnh hưởng bởi tám nhân tố chính. Do đó, cần đưa ra các giải pháp cụ thể gắn với từng nhóm yếu tố nhằm phát huy thế mạnh và khắc phục những hạn chế còn tồn tại.

3.3.1. Công tác quảng bá - xúc tiến du lịch:

Công tác truyền thông đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng và củng cố hình ảnh điểm đến. Để du lịch Cù lao Thới Sơn tạo được dấu ấn và lan tỏa đến khách hàng mục tiêu, cần thiết kế một chiến lược truyền thông tổng thể, xuyên suốt và thống nhất. Trong đó, việc ứng dụng công

nghệ số, sử dụng mạng xã hội, các nền tảng du lịch trực tuyến và truyền thông đa phương tiện là yếu tố cần được đầu tư bài bản. Các sự kiện quảng bá cần kết hợp giữa yếu tố truyền thống (lễ hội văn hóa, âm nhạc dân gian) và hiện đại (festival, chương trình giao lưu) để tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ. Việc mời các KOLs, travel blogger và influencer du lịch đến trải nghiệm và chia sẻ cũng là chiến lược thông minh nhằm tiếp cận các phân khúc khách hàng trẻ, yêu thích khám phá và chia sẻ trải nghiệm.

3.3.2. Ẩm thực địa phương:

Ẩm thực không chỉ là nhu cầu thiết yếu của du khách mà còn là một phương tiện truyền tải văn hóa hiệu quả. Do đó, cần nâng cao vai trò của ẩm thực trong chiến lược phát triển sản phẩm du lịch sinh thái thông qua việc chuẩn hóa quy trình chế biến, phục vụ và không gian trải nghiệm. Việc tổ chức các tour ẩm thực kết hợp với trải nghiệm nông nghiệp, chế biến món ăn dân dã và thưởng thức trong không gian miệt vườn sẽ mang lại giá trị gia tăng cho sản phẩm. Đồng thời, cần có chính sách bảo tồn và phát triển những món ăn truyền thống đặc trưng, xem đây là di sản văn hóa phi vật thể cần được khai thác một cách tinh tế và bền vững.

3.3.3. Nhận thức về bảo vệ môi trường:

Du lịch sinh thái chỉ thực sự phát triển bền vững khi cộng đồng địa phương và du khách đều có nhận thức đầy đủ và hành vi tích cực trong bảo vệ môi trường. Các hoạt động tuyên truyền cần được thiết kế sáng tạo, dễ tiếp cận và có tác động dài hạn.

Mô hình “điểm đến không rác thải nhựa”, hay “làng du lịch sinh thái thân thiện môi trường” có thể được áp dụng tại Cù lao Thới Sơn. Ngoài ra, việc xây dựng nội quy, bảng hướng dẫn hành vi, kết hợp chế tài và khuyến khích sẽ góp phần nâng cao ý thức bảo vệ sinh thái trong toàn bộ hệ sinh thái du lịch.

3.3.4. Cơ sở hạ tầng - vật chất kỹ thuật:

Hạ tầng là nền tảng quan trọng để đảm bảo sự thuận tiện, an toàn và chất lượng cho hoạt động du lịch. Việc nâng cấp đường giao thông nội bộ, kết nối từ bến tàu đến các điểm tham quan, hệ thống chiếu sáng, nhà vệ sinh, bãi giữ xe cần được đầu tư đồng bộ. Bên cạnh đó, hệ thống biển chỉ dẫn rõ ràng, thiết kế hài hòa với cảnh quan sẽ tạo thuận lợi cho du khách tự khám phá. Về vật chất kỹ thuật, cần phát triển hệ thống lưu trú theo hướng thân thiện môi trường (eco-homestay, farmstay), đảm bảo tiện nghi cơ bản và mang lại trải nghiệm gắn kết thiên nhiên.

3.3.5. Giá cả dịch vụ:

Một môi trường du lịch chuyên nghiệp không thể thiếu sự minh bạch và hợp lý về giá cả. Để tránh hiện tượng “chặt chém”, cần xây dựng hệ thống giám sát, phản ánh giá dịch vụ trực tuyến và thông qua hiệp hội du lịch địa phương. Ngoài ra, cần tập huấn cho người dân và cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ về quản lý chi phí, xây dựng giá dịch vụ hợp lý và giữ chữ tín với khách hàng. Việc niêm yết giá công khai tại các điểm dịch vụ, quầy hàng là biện pháp căn bản cần được duy trì nghiêm túc.

3.3.6. Tài nguyên du lịch:

Tài nguyên thiên nhiên và văn hóa là yếu tố cốt lõi của du lịch sinh thái, vì vậy cần có chiến lược bảo tồn và khai thác hợp lý. Cần thực hiện khảo sát, phân loại và đánh giá sức chứa của các điểm đến để tránh tình trạng quá tải, suy giảm cảnh quan. Khuyến khích phát triển các tour tham quan gắn với làng nghề, vườn cây ăn trái, sông nước và các điểm di tích văn hóa địa phương. Bên cạnh đó, việc tích hợp yếu tố giáo dục, trải nghiệm và tương tác vào sản phẩm du lịch sẽ gia tăng giá trị cảm xúc và nhận thức của du khách.

3.3.7. Nguồn nhân lực:

Nguồn nhân lực địa phương giữ vai trò then chốt trong cung ứng dịch vụ du lịch chất lượng cao. Việc đào tạo cần được tiếp cận theo hướng thực hành, sát thực tế, linh hoạt theo từng nhóm đối tượng như hướng dẫn viên, nhân viên lưu trú, hộ kinh doanh cá thể. Ngoài các kỹ năng giao tiếp, phục vụ, cần chú trọng đào tạo về văn hóa địa phương, du lịch bền vững và xử lý tình huống. Bên cạnh đó, cần có chính sách thu hút lực lượng lao động trẻ, có trình độ, biết ngoại ngữ và sử dụng công nghệ số.

3.3.8. An ninh trật tự - an toàn:

Du khách chỉ thực sự yên tâm khi cảm thấy an toàn cả về thể chất lẫn tinh thần. Do vậy, hệ thống an ninh - cứu hộ - y tế cần được bố trí đồng đều tại các điểm du lịch. Lực lượng hỗ trợ du khách, tổ tự quản, đội phản ứng nhanh cần được tập huấn và hoạt động hiệu quả. Các biện pháp phòng ngừa tiêu cực như chèo kéo, móc túi, gian lận cần được xử lý nghiêm và công khai. Ngoài ra, nâng cao văn hóa giao tiếp, thái độ thân thiện và hỗ trợ kịp thời cũng là yếu tố tạo nên ấn tượng tốt đẹp cho du khách khi đến với Cù lao Thới Sơn.

Việc triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp nêu trên, khi được lồng ghép hiệu quả với đặc thù kinh tế - xã hội và văn hóa của Cù lao Thới Sơn, sẽ đóng vai trò như một cú hích mạnh mẽ cho sự phát triển toàn diện của loại hình du lịch sinh thái

tại địa phương. Không chỉ dừng lại ở việc cải thiện chất lượng dịch vụ, tăng cường năng lực cạnh tranh, các giải pháp còn tạo điều kiện để nâng cao nhận thức cộng đồng, khơi dậy sự tham gia tích cực của người dân vào quá trình phát triển du lịch. Qua đó, Cù lao Thới Sơn không những có thể giữ vững bản sắc và giá trị cảnh quan tự nhiên vốn có mà còn định vị được thương hiệu điểm đến sinh thái bền vững, hài hòa giữa bảo tồn và phát triển. Đây chính là nền tảng quan trọng để du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn từng bước hội nhập sâu rộng vào mạng lưới du lịch khu vực đồng bằng sông Cửu Long và xa hơn nữa trên bản đồ du lịch quốc gia.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã xác định được tám nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn, bao gồm: Công tác quảng bá - xúc tiến du lịch, ẩm thực địa phương, nhận thức bảo vệ môi trường, cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật, giá cả dịch vụ, tài nguyên du lịch, nguồn nhân lực và an ninh trật tự - an toàn.

Kết quả nghiên cứu đã làm rõ vai trò và mức độ ảnh hưởng của từng nhóm nhân tố, qua đó cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách, đề xuất giải pháp quản lý và phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững. Đồng thời, nghiên cứu cũng là cơ sở thực tiễn để chính quyền địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng cư dân phối hợp xây dựng hình ảnh du lịch sinh thái hấp dẫn, gắn kết giữa bảo tồn và phát triển.

Bên cạnh những đóng góp về mặt học thuật và thực tiễn, nghiên cứu này cũng cho thấy tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn gắn với việc phát huy lợi thế tự nhiên, văn hóa và con người địa phương. Việc triển khai các giải pháp phù hợp với từng nhóm nhân tố sẽ góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, tăng khả năng cạnh tranh và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội địa phương bền vững trong tương lai.

Dù nghiên cứu đã đạt được những kết quả quan trọng trong việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái tại Cù lao Thới Sơn, vẫn còn một số hạn chế cần được nhìn nhận. Thứ nhất, khảo sát chủ yếu tập trung vào du khách cá nhân trong thời gian ngắn, chưa bao

quát đầy đủ các bên liên quan như cộng đồng dân cư, doanh nghiệp lữ hành hay nhà quản lý du lịch - những chủ thể giữ vai trò quan trọng trong thực tiễn triển khai. Thứ hai, nghiên cứu chưa áp dụng các kỹ thuật phân tích chuyên sâu như SEM hoặc PLS-SEM để đánh giá toàn diện các mối quan hệ giữa các biến. Thứ ba, yếu tố thời điểm thu thập dữ liệu cũng cần được lưu ý, bởi hành vi du lịch có thể thay đổi theo mùa hoặc bối cảnh kinh tế - xã hội.

Từ đó, các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng phạm vi khảo sát, kết hợp cả phương pháp định tính và định lượng để phản ánh đa chiều hơn hệ sinh thái du lịch. Việc ứng dụng mô hình phân tích tiên tiến như SEM sẽ giúp nâng cao độ tin cậy trong kiểm định mô hình. Đồng thời, so sánh giữa các điểm đến sinh thái trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long sẽ góp phần nhận diện các yếu tố đặc thù và đề xuất chính sách phát triển phù hợp theo từng địa phương, hướng tới mục tiêu phát triển du lịch bền vững và hài hòa trong vùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] J. F. Hair, W. C. Black, B. J. Babin, R. E. Anderson, & R. L. Tatham, *Multivariate data analysis*, 5th ed. New Jersey: Pearson Prentice Hall, 2006.
- [2] H. Trọng and C. N. M. Ngọc, *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Vols. 1 & 2, Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức, 2008.
- [3] N. T. Thọ, *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, 2011.
- [4] R. E. Schumacher & R. G. Lomax, *A Beginner's Guide to Structural Equation Modeling*, 1996.
- [5] N. T. M. Trang và L. V. Hùng, “Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch sinh thái ở Vùng đồng bằng sông Cửu Long,” *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, vol. 23, no. 785, pp. 12-17, 2020.
- [6] N. V. Tài, “Phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn tài nguyên tại Việt Nam,” *Tạp chí Du lịch*, vol. 10, no. 234, pp. 28-31, 2019.
- [7] E. Sirakaya, T. Jamal, & H. Choi, “Developing tourism sustainability indicators: A sustainable destination approach,” *Journal of Travel Research*, vol. 45, no. 3, pp. 201-214, 2017.
- [8] UNWTO, *Ecotourism and Sustainable Development*, Madrid: World Tourism Organization, 2019.